

Số:...../2018/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHOÁ, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Điều 6; Điều 11 và Điều 25 Luật hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2018 của Ban kinh tế Hội đồng nhân dân tỉnh và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động đầu tư và sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Điều 3. Mức tiền, phương thức và thời hạn hỗ trợ

- Mức hỗ trợ:

+ Đối với các khu, cụm công nghiệp do Ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng: Mức hỗ trợ bằng 30% tiền thuê hạ tầng hàng năm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Đối với các khu, cụm do các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, không thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước: Mức hỗ trợ bằng 30% tiền thuê hạ tầng của Khu công nghiệp Thành Hải.

- Phương thức hỗ trợ:

- Đối với các khu, cụm công nghiệp do Ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng: Được hỗ trợ trực tiếp bằng 30% tiền thuê hạ tầng hàng năm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phần hỗ trợ này được ngân sách cấp bù sau khi cân đối trong kế hoạch thu chi hàng năm.

- Đối với các khu, cụm do các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, không thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước: được ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp vào hàng năm.

- Thời hạn hỗ trợ:

+ Đối với các doanh nghiệp đầu tư mới vào các Khu, Cụm công nghiệp: thời gian hỗ trợ 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê sử dụng hạ tầng, đối với các khu, cụm công nghiệp do Ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng; kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất đối với các khu, cụm do các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, không thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước.

+ Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trong các Khu, Cụm công nghiệp: tính từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến đủ 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê sử dụng hạ tầng (hoặc hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn thu tiền thuê sử dụng hạ tầng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Nguồn cân đối khác của tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết:

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2018 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TƯ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH

Số: /TTr-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết về Quy định hỗ trợ tiền thuê hạ tầng
cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về Quy định hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước;
- Luật hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 12 tháng 6 năm 2017, Quốc Hội ban hành Luật số 04/2017/QH14 Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó có quy định về nguồn vốn hỗ trợ, về hỗ trợ mặt bằng sản xuất, trách nhiệm đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh, cụ thể:

“

Điều 6. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- a) Nguồn vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước;
- b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
- c) Nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- d) Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

2. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được lập dự toán, thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất

.....

2. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

.....

Điều 25. Trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 18 của Luật này;
- b) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;
- c) Giám sát việc tuân theo pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

- a) Xây dựng và tổ chức triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh;
- b) Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Tôn vinh doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

.....”

Do đó việc xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh là phù hợp và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ Xây dựng Nghị quyết nhằm hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo quy định nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện đầu tư phát triển tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Ninh Thuận.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Xây dựng chính sách đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách, các văn bản hướng dẫn Luật và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

- Các nội dung hỗ trợ của chính sách không trùng lặp với các chương trình, chế độ khác trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung phát triển đúng định hướng, phát huy năng lực để tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ về đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động đầu tư và sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều được bố cục như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức ngân sách nhà nước hỗ trợ

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung

- Quy định mức hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu, cụm công nghiệp tỉnh ;
- Quy định nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ;
- Tổ chức triển khai hiệu quả việc hỗ trợ nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện đầu tư phát triển tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Ninh Thuận.

V. THUYẾT MINH NỘI DUNG HỖ TRỢ, MỨC HỖ TRỢ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN HỖ TRỢ

I. Nội dung hỗ trợ (Tiền thuê sử dụng hạ tầng):

Tiền thuê mặt bằng đối với các doanh nghiệp hiện nay gồm: tiền thuê đất và tiền thuê sử dụng hạ tầng. Tuy nhiên theo quy định tại Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, thì các huyện của Ninh Thuận thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khó khăn; TP. Phan Rang - Tháp Chàm thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Phần ưu đãi miễn giảm tiền thuê đất:

- Trong thời gian xây dựng cơ bản: Dự án được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất tại Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Sau thời gian xây dựng cơ bản: quy định tại Điểm b, c Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

a)....

b) Bảy (7) năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Như vậy, đối với các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận không phải đóng tiền thuê đất trong thời gian từ 10 đến 14 năm.

Do đó việc hỗ trợ tiền thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp chỉ xét phần hỗ trợ bằng tiền thuê sử dụng hạ tầng.

II. Mức hỗ trợ, phương thức và thời hạn hỗ trợ

1. Thực trạng khu, cụm công nghiệp hiện nay

a) Các khu, cụm công nghiệp do Ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng:

- Khu công nghiệp Thành Hải: Giá cho thuê hạ tầng 3.200 đồng/m²/năm
- Cụm công nghiệp Tháp Chàm: Tùy theo địa điểm có 02 loại giá tiền thuê hạ tầng: 1.450 đồng/m²/năm và 950 đồng/m²/năm.
- Tình hình sử dụng tiền thu từ cho thuê hạ tầng đối với KCN Thành Hải và CCN Tháp Chàm trong các năm từ 2015-2017:

Tiền thu từ cho thuê sử dụng hạ tầng mục đích là để duy tu, bảo dưỡng hạ tầng các Khu, Cụm công nghiệp. Hàng năm UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thu chi tiền thuê hạ tầng, sau khi cân đối thu trừ chi số còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước. Theo thống kê từ năm 2015-2017, số tiền nộp vào ngân sách nhà nước hàng năm khoảng 36%, cụ thể sau:

STT	Năm	Tổng thu	Tổng chi	Nộp ngân sách
1	2015	721.767.806	454.454.450	267.313.356
2	2016	727.090.775	674.681.775	52.409.000
3	2017	2.161.508.255	1.180.244.770	981.263.485
	Cộng	3.610.366.836	2.309.380.995	1.300.985.841

b) Các khu, cụm công nghiệp do các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, không thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước:

- Khu công nghiệp Phước Nam: Có 04 doanh nghiệp đang hoạt động

Hiện nay Chủ đầu tư đang thực hiện hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất đối với 02 doanh nghiệp và hợp đồng cho thuê nhà xưởng đối với 02 doanh nghiệp.

- Khu công nghiệp Du Long: Chưa có doanh nghiệp thuê đất.

2. Đề xuất mức hỗ trợ:

Sau khi xem xét hài hòa giữa Nguồn thu ngân sách nhà nước từ tiền thuê hạ tầng (theo thống kê ở phần trên) và tình hình SXKD của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khu, cụm công nghiệp, đề xuất mức hỗ trợ như sau:

- Đối với các khu, cụm công nghiệp do Ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng (KCN Thành Hải và Cụm công nghiệp Tháp Chàm): Mức hỗ trợ bằng 30% tiền thuê hạ tầng hàng năm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Đối với các khu, cụm do các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, không thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước (KCN Phước Nam, KCN Du Long và các CCN khác): Mức hỗ trợ bằng 30% tiền thuê hạ tầng của Khu công nghiệp Thành Hải.

3. Phương thức hỗ trợ:

Quy định tại Khoản 2, 3, Điều 11 của Luật hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

“3. Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ ngân sách địa phương”.

* Đề xuất phương thức hỗ trợ như sau:

- Đối với các khu, cụm công nghiệp do Ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng: Được hỗ trợ trực tiếp bằng 30% tiền thuê hạ tầng hàng năm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phần hỗ trợ này được ngân sách cấp bù sau khi cân đối trong kế hoạch thu chi hàng năm.

- Đối với các khu, cụm do các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, không thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước: được ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp vào hàng năm.

4. Thời hạn hỗ trợ:

05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê tiền sử dụng hạ tầng, đối với các khu, cụm công nghiệp do Ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng; kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất đối với các khu, cụm do các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, không thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước.

(Kèm theo Phụ lục 1: Thống kê kinh phí hỗ trợ)

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Hoàn thiện văn bản dự thảo trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2018.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận./.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Nơi nhận :

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lưu Xuân Vĩnh

PHỤ LỤC 1

THỐNG KÊ KINH PHÍ HỘ TRỢ THUẾ HẠ TĂNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

STT	Nhà đầu tư thứ cấp	Diện tích thuế (m ²)	Tiền thuế	Tổng cộng	Quyết định thuế đất	Thời hạn hộ trợ đến	Số tháng được hộ trợ	Ước tính Kinh phí hộ trợ 30% tiền thuế hạ tăng	Dự kiến Kinh phí hộ trợ năm 2019	Ghi chú
1	KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH HẢI	416 447,8		1 332 632 960				700 195 440	170 431 200	
1	Nhà máy chế biến Yến sào Phan Rang (Công ty cổ phần Yến Việt)	18525,0	3 200	59 280 000	- QĐ số 85/QĐ-UBND ngày 19/3/2008 - QĐ số 273/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 - QĐ số 307/QĐ-UBND ngày 02/4/2010	01/04/2015				Hết thời gian hộ trợ
2	Nhà máy thuốc lá Sài Gòn (Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn)	11904,0	3 200	38 092 800	QĐ số 199/QĐ-UBND ngày 22/7/2009	21/7/2014				Hết thời gian hộ trợ
3	Xí nghiệp chế biến Thạch cao Mỹ Đức	12457,0	3 200	39 862 400	QĐ số 1913/QĐ-UBND ngày 28/6/2005	27/6/2010				Hết thời gian hộ trợ
4	Kho bia Sài Gòn (Công ty CP thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ)	27712,0	3 200	88 678 400	QĐ số 242/QĐ-UBND ngày 30/9/2013	29/9/2018				Hết thời gian hộ trợ
6	Nhà máy sản xuất bê tông (Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Hoàng Nhân)	36795,0	3 200	117 744 000	QĐ số 1176/QĐ-UBND ngày 25/4/2006	24/4/2011				Hết thời gian hộ trợ
7	Nhà máy chế biến tôm số 2 (Công ty TNHH Thông Thuận)	30034,0	3 200	96 108 800	- QĐ số 317/QĐ-UBND ngày 25/5/2011	24/05/2016				Hết thời gian hộ trợ
		1621,0	3 200	5 187 200	- QĐ số 105/QĐ-UBND ngày 28/3/2016	27/03/2021	31	4 020 080	1 556 160	
		5234,0	3 200	16 748 800	- QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	05/09/2021	36	15 073 920	5 024 640	
8	Nhà máy Bia Sài Gòn-Ninh Thuận (Công ty Cổ phần bia Sài Gòn- Ninh Thuận)	50005,2	3 200	160 016 640	QĐ số 459/QĐ-UBND ngày 12/11/2015			0		Không thuộc diện hộ trợ
9	Mô rộng Nhà máy Bia Sài Gòn-Ninh Thuận (Công ty Cổ phần bia Sài Gòn- Ninh Thuận Sagota)	50443,1	3 200	161 417 920	QĐ số 460/QĐ-UBND ngày 12/11/2015			0		Không thuộc diện hộ trợ
10	Nhà máy chế biến Nha Đam (Công ty cổ phần thực phẩm Cảnh Đồng Việt)	19761,0	3 200	63 235 200	QĐ số 58/QĐ-UBND ngày 05/2/2015	02/04/2020	19	30 036 720	18 970 560	

STT	Nhà đầu tư thứ cấp	Diện tích thuê (m2)	Tiền thuê	Tổng cộng	Quyết định thuế đất	Thời hạn hỗ trợ đến	Số tháng được hỗ trợ	Ước tính Kinh phí hỗ trợ 30% tiền thuế hà tăng	Dự kiến Kinh phí hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
11	Nhà máy chế biến hạt điều, sản xuất máy chế biến mìnon sắn (Công ty TNHH Hoàng Bảo Tuông)	16049,0	3 200	51 356 800	QĐ số 56/QĐ-UBND ngày 05/2/2015	02/04/2020	19	24 394 480	15 407 040	
12	Công ty Viễn thông tỉnh Ninh Thuận	1040,0	3 200	3 328 000	QĐ số 1208/QĐ-UBND ngày 26/4/2006	25/4/2011		0		Hết thời gian hỗ trợ
13	Công trình bưu chính, viễn thông (Chi nhánh Viettel Ninh Thuận- Tập đoàn Viễn thông Quân đội)	465,5	3 200	1 489 600	QĐ số 353/QĐ-UBND ngày 14/9/2016	13/9/2021	36	1 340 640	446 880	
14	Nhà máy sản xuất Bao Bì Nhựa Công ty Cổ phần bao bì Á Đông Ninh Thuận	16500,0	3 200	52 800 000	QĐ số 295/QĐ-UBND ngày 07/9/2017	09/06/2022	45	59 400 000	15 840 000	
15	Nhà máy sản xuất sợi và chỉ (Công ty Cổ phần Sợi Ninh Thuận)	23081,0	3 200	73 859 200	Dự kiến thuế trong năm 2018		60	110 788 800	22 157 760	Chưa ký HD thuế đất
16	Nhà máy chế biến tôm số 1 (Công ty TNHH Thông Thuận)	22383,0	3 200	71 625 600	Dự kiến thuế trong năm 2018		60	107 438 400	21 487 680	Chưa ký HD thuế đất
17	Xưởng sản xuất nệm cao su và da gầy (Công ty TNHH Jade Royal)	37295,0	3 200	119 344 000	Dự kiến thuế trong năm 2018		60	179 016 000	35 803 200	Chưa ký HD thuế đất
18	Nhà máy chế biến các sản phẩm măng tây – Công ty Cổ phần Linh dân Sài Gòn	12343,0	3 200	39 497 600	Dự kiến thuế trong năm 2018		60	59 246 400	11 849 280	Chưa ký HD thuế đất
19	Nhà máy in offset và bao bì giấy - Công ty Cổ phần in Ninh Thuận	22800,0	3 200	72 960 000	Dự kiến thuế trong năm 2018		60	109 440 000	21 888 000	Chưa ký HD thuế đất
II	KCN PHƯỚC NAM	36150,0	0					31 200 000	9 600 000	Tính giá hỗ trợ bằng KCN Thành Hải
1	Nhà máy sản xuất Gạch ống không nung-gạch polyme	15850,0	0		HD 02 ngày 20/6/2012					Hết thời gian hỗ trợ
2	Nhà máy SX than thảo mộc (Công ty TNHH MTV Long Kim Phát)	5300,0	0							Không thuộc diện hỗ trợ
3	Nhà máy sấy hèm bia Ninh Thuận (Công ty TNHH XD TM DV Đô thị Nam Miền Trung)	10000,0	0		HD 01 ngày 21/11/2016	20/11/2021	39	31 200 000	9 600 000	
4	Trạm nạp oxy Ninh Thuận (Công ty cổ phần hơi kỹ nghệ que hàn)	5000,0	0							Không thuộc diện hỗ trợ
III	KCN DU LONG									Tính giá hỗ trợ bằng KCN Thành Hải
IV	CCN THÁP CHÀM	135260,0		173 094 725				145 905 680	26 747 715	

STT	Nhà đầu tư thứ cấp	Diện tích thuế (m2)	Tiền thuế	Tổng cộng	Quyết định thuế đất	Thời hạn hỗ trợ đến	Số tháng được hỗ trợ	Ước tính Kinh phí hỗ trợ 30% tiền thuế hạ tầng	Dự kiến Kinh phí hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
1	Cơ sở chế biến nhân hạt điều, ép dầu vò điều (Công ty TNHH Phú Thủy)	16015,0	925	14 813 875	- QĐ số 4304/QĐ-UBND ngày 28/11/2005; 1.1455 - QĐ số 2415/QĐ-UBND ngày 28/12/2010; 0.456	27/11/2010 27/12/2015				Hết thời gian hỗ trợ
2	Nhà máy chế biến Giồng cây trồng Đông Nam (Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Đông Nam)	13975,0	1 450	20 263 750	QĐ số 230/QĐ-UBND ngày 19/8/2009	18/8/2014				Hết thời gian hỗ trợ
3	Nhà máy SX bao bì và in ấn (Công ty cổ phần in và bao bì Tân Định)	15925,0	1 450	23 091 250	QĐ số 480/QĐ-UBND ngày 17/10/2011	16/10/2016				Hết thời gian hỗ trợ
4	Nhà máy chế biến thủy sản khô (Công ty TNHH- TM Hai Đông)	6841,0	925	6 327 925	QĐ số 1020/QĐ-UBND ngày 20/04/2006	19/04/2011				Hết thời gian hỗ trợ
5	Nhà máy sản xuất sản phẩm EPS (Công ty TNHH MTV Hồ Dương)	6490,0	1 450	9 410 500	QĐ số 90/QĐ-UBND ngày 28/3/2014	27/3/2019	7	3 634 400	2 823 150	
6	Nhà máy may công nghiệp (Công ty TNHH Thời trang Hoa In)	12033,0	1 450	17 447 850	QĐ số 77/QĐ-UBND ngày 24/3/2014	23/3/2019	7	6 738 480	5 234 355	
7	Nhà máy chế biến nông sản (Công ty CP xuất khẩu nông sản Ninh Thuận)	21015,0	925	19 438 875	HD số 12 ngày 26/11/2009					Hết thời gian hỗ trợ
8	Nhà máy chế biến hạt điều (Công ty TNHH Long Sơn-BLB)	35352,0	1 450	51 260 400	QĐ số 95/QĐ-UBND ngày 09/3/2016	03/08/2021	35	98 985 600	15 378 120	
9	Nhà máy sản xuất và in ấn bao bì nhựa (Công ty TNHH MTV nông nghiệp công nghệ cao Ninh Thuận)	7614,0	1 450	11 040 300	Dự kiến thuế trong năm 2018		60	36 547 200	3 312 090	Chưa ký HĐ thuê đất
	TỔNG CỘNG: (I) + (II) + (III)	587 857,8		1 505 727 685				877 301 120	206 778 915	

GHI CHÚ: Dự kiến QĐ hỗ trợ có hiệu lực từ 01/9/2018